

ĐẨY MẠNH XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM - MỘT YÊU CẦU TẤT YẾU HIỆN NAY

ĐỖ BÌNH AN
Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 5/7/2021. Sửa chữa xong 10/7/2021. Duyệt đăng 15/7/2021.

Abstract

Vietnam Education is facing opportunities and challenges as well as the demands of society. Socialization of education is a necessity that contributes to the improvement of education's qualities. The socialization of education should be performed because we can only achieve the education's development when we promote the power of the entire people to participate in this field. Moreover, it is necessary to consider Vietnam education based on the following factors: the real status of education in Vietnam; Vietnam Education with the requirements of the country, and process of integration.

Keywords: Education Socialization, necessity for improving Education Socialization.

1. Đặt vấn đề

Sau gần 20 năm thực hiện Nghị quyết 90/CP⁽¹⁾ về xã hội hóa giáo dục (XHHGD), y tế, văn hóa. Đến nay, Việt Nam đã xây dựng được một hệ thống các cơ sở GD-ĐT đa dạng về loại hình nhà trường; đa dạng hóa phương thức học tập; quy mô giáo dục phát triển mạnh từ mầm non đến đại học, sau đại học. Mục tiêu, phương pháp, nội dung giáo dục có sự chuyển biến tích cực, đội ngũ nhà giáo tăng dần số lượng và chất lượng. Chất lượng giáo dục bước đầu đã có những tiến bộ góp phần phát triển nguồn nhân lực (NNL) cho đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh đó XHHGD ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước, sự phát triển của nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Vì vậy, chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác XHHGD, đó là một yêu cầu tất yếu hiện nay.

2. Cơ sở để thực hiện đẩy mạnh XHHGD

2.1. Xuất phát từ thực tiễn giáo dục Việt Nam

XHHGD là một chiến lược lâu dài, đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp phát triển giáo dục, do đó, chúng ta cần nhận thức đúng đắn thực trạng của nền giáo dục nước ta trong giai đoạn phát triển mới.

Bước vào thế kỷ XXI cùng với sự phát triển của đất nước, giáo dục nước ta đã đạt được những thành tựu đáng kể như: hình thành hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất nhất từ giáo dục mầm non đến GD-ĐT sau đại học; mạng lưới giáo dục được mở rộng khắp các vùng, miền của đất nước; đa dạng hóa các loại hình trường và hình thức học tập; quy mô giáo dục được mở rộng, kết nối giữa mọi trình độ đào tạo; công bằng xã hội có nhiều tiến bộ góp phần tích cực vào sự phát triển giáo dục.

Tuy nhiên, những thành tựu của XHHGD chủ yếu phát triển theo chiều rộng mà chưa đặt trọng tâm vào chất lượng GD-ĐT. Vì vậy, chất lượng GD-ĐT chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của đất nước, cụ thể:

Nội dung, chương trình còn nặng nề về lý thuyết, xa rời thực tế, chưa chú trọng đến giáo dục đạo đức, ý thức trách nhiệm công dân cho người học. Chương trình giáo dục phổ thông còn quá tải đối với HS. Giáo dục đại học và giáo dục nghề chưa đáp ứng nhu cầu xã hội. Về cơ bản giáo dục Việt Nam chưa thể hiện được yêu cầu hướng đến bốn trụ cột của giáo dục ở thế kỷ XXI về chất lượng giáo dục

mà UNESCO đã đề ra: *Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống, học để tự khẳng định chính mình.*

Mặt khác, trong quá trình thực hiện XHHGD, nhiều trường vẫn *dạy những gì mình có, chưa dạy những gì xã hội cần*, nhiều ngành học chưa gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất, doanh nghiệp. Từ đó đã tạo ra một nghịch lý là nhiều SV tốt nghiệp ĐH, CĐ ra trường thất nghiệp do thiếu kỹ năng, tay nghề, trình độ tin học, ngoại ngữ trong khi các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đang cần một lực lượng lớn lao động kỹ thuật cao nhưng đào tạo không đáp ứng yêu cầu của họ. Nhiều cơ sở giáo dục (CSGD) còn chạy theo mặt trái của KTTT, dạy hời hợt, không đảm bảo chất lượng, phát sinh nhiều tiêu cực trong học tập, xuất hiện hiện tượng mua bán bằng cấp, học giả bằng thật. Ngoài ra, không ít nơi xuất hiện hiện tượng thương mại hóa không lành mạnh trong GD-ĐT, dạy thêm, học thêm tràn lan. Ở đây sẽ không có gì đáng nói nếu nhu cầu người học là chính đáng để học thêm nhằm nâng cao trình độ cho bản thân, nhưng đã xuất hiện hiện tượng ở trường dạy hời hợt, để thi được HS buộc phải đi học thêm.

Bên cạnh đó, công tác quản lý trong GD-ĐT còn nhiều bất cập, thiếu dự báo nhu cầu NNL cho quá trình CNH-HĐH đất nước; quản lý chất lượng GD-ĐT còn nhiều lúng túng. Những hiện tượng tiêu cực trong tuyển sinh, thi và cấp bằng, lợi dụng XHHGD để lạm thu, dạy thêm chậm được khắc phục, gây bức xúc trong xã hội.

Công tác quy hoạch phát triển các CSGD chưa hợp lý giữa các vùng, miền dẫn đến hiện tượng nơi thừa, nơi thiếu. Một số trường ngoài công lập mở ra không đảm bảo yêu cầu. Đầu tư cho giáo dục còn mang tính bình quân; cơ sở vật chất, kỹ thuật của các CSGD còn thiếu và lạc hậu. Quỹ đất dành cho phát triển giáo dục chưa nhiều. Chế độ chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa thỏa đáng.

Những yếu kém, bất cập của GD-ĐT Việt Nam đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng NNL nước ta, làm giảm tính cạnh tranh và chưa tạo ra được lợi thế vốn có của một quốc gia có nguồn lao động trẻ đông đảo so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Vì vậy, Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã khẳng định: “Đổi mới toàn diện GD-ĐT, nâng cao chất lượng NNL, quan tâm đến nhân lực lãnh đạo quản lý, quản trị doanh nghiệp, KH-CN, văn hóa, nghệ thuật; nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là bậc đại học; tập trung chuyển từ đào tạo chiều rộng sang chiều sâu, quan tâm đặc biệt đến đào tạo nghề; điều chỉnh chính sách về giáo dục mầm non, giáo dục miễn phí; làm tốt công tác XHHGD để đảm bảo nhu cầu học tập của các đối tượng, nhất là giáo dục mầm non” (2).

Như vậy, để đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội và nhu cầu học tập của người dân chúng ta cần tạo điều kiện cho họ có cơ hội học tập tốt nhất. Thực tế cho thấy, không một Nhà nước nào có thể bao cấp tất cả nền giáo dục để thỏa mãn nhu cầu đó, mà ngược lại các quốc gia càng giàu có bao nhiêu thì việc XHHGD càng được mở rộng.

2.2. Xuất phát từ yêu cầu phát triển của đất nước

2.2.1. Sự chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế từ tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng XHCN

Nền KTTT, với sự hình thành của nhiều thành phần kinh tế, đa hình thức sở hữu với nhiều chủ thể từ cá nhân đến hộ gia đình, các loại hình doanh nghiệp, tổ chức xã hội,... tham gia vào mọi lĩnh vực của xã hội. Đây chính là cơ sở để phát triển KT-XH trong thời kỳ mới, sự phát triển trình độ của lực lượng sản xuất sẽ kéo theo sự thay đổi và hình thành các quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội phù hợp, gắn lợi ích cũng như quyền lợi với trách nhiệm, nghĩa vụ xã hội với quyền hạn tương ứng giữa các chủ thể để hình thành nên một cơ chế phát triển hiệu quả. Điều đó đã làm cho sự phát triển kinh tế được năng động hóa, nhịp độ tăng trưởng kinh tế được đẩy mạnh; thừa nhận lợi ích chính đáng của người lao động và mọi thành phần kinh tế, thực hiện phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước tăng trưởng kinh tế. Khuyến khích người dân làm giàu hợp pháp, tích cực xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm cho người lao động.

Nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta trong giai đoạn hiện nay đã đem lại những thành tựu quan trọng không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn trên các phương diện khác của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục. Hơn nữa, mục tiêu giáo dục là “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài” phù hợp với yêu cầu xã hội trong giai đoạn mới. Vì vậy, giáo dục phải tạo ra những con người với giá

trị mới thích ứng yêu cầu của KTTT và hội nhập quốc tế là có trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề, phẩm chất đạo đức tốt,... để có thể tìm kiếm cơ hội việc làm, quyết định mức thu nhập đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho mỗi người, từ đó khẳng định vị trí của bản thân trong xã hội. Trong nền KTTT đã có sự thay đổi, phân định lại chức năng, nhiệm vụ, mục đích của các chủ thể Nhà nước, nhà trường, người học và xã hội. Nhà nước đầu tư vào giáo dục và quản lý vĩ mô với toàn bộ hệ thống giáo dục. Nhà trường không chỉ thực hiện nhiệm vụ của Nhà nước giao mà với cơ chế tự chủ, hướng tới nhu cầu của xã hội. Người học tự xác định mục đích, hình thức học, nơi học, ngành nghề học, trình độ học để đáp ứng nhu cầu cá nhân. Do đó, người học có trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi trong việc tham gia vào quá trình GD-ĐT.

Bên cạnh đó, nền KTTT đã diễn ra sự cạnh tranh trong hệ thống GD-ĐT ở trong nước và quốc tế như nguồn lực đầu tư, đội ngũ giáo viên giỏi, về thu hút SV. Cơ chế cạnh tranh đã phá vỡ cục diện chỉ có đơn nhất mô hình giảng dạy mà làm cho giáo viên phải cố gắng dạy tốt hơn không thể làm cầm chừng được. Đồng thời, hệ thống GD-ĐT nói chung, các CSGD nói riêng phải năng động, sáng tạo hơn trong công tác quản lý, xây dựng nội dung, chương trình và áp dụng phương pháp dạy học phù hợp, khắc phục được sự quan liêu, xa rời thực tiễn. Vì nền giáo dục phải cung cấp và đáp ứng được NNL cho những nhu cầu khác nhau của sự phát triển KT-XH. Chính yếu tố cạnh tranh này nếu được sử dụng và phát huy tốt sẽ là động lực phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo.

Mặt khác, trong nền KTTT, cơ chế thị trường tạo ra cơ sở để huy động được sự quan tâm, trí tuệ của mọi nguồn lực xã hội tham gia phát triển GD-ĐT cùng với Nhà nước trên cơ sở chia sẻ trách nhiệm và lợi ích. Mọi thành phần kinh tế đều tham gia vào quá trình GD-ĐT vì họ là những người sử dụng nhân lực, đòi hỏi NNL có chất lượng cao. Sự tham gia của các thành phần kinh tế vào GD-ĐT sẽ tạo nên sự gắn kết giữa những đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo, giữa đào tạo lý thuyết với thực hành, giữa gia đình - nhà trường - xã hội, GD-ĐT gắn liền với sự phát triển của mỗi cá nhân và nhu cầu phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, mặt trái của nền KTTT cũng tác động không nhỏ lên hệ thống giáo dục trên nhiều phương diện. Với tính cạnh tranh cao và sự phân hóa giàu nghèo làm cho cơ hội tiếp cận và phát triển GD-ĐT giữa các vùng, đối tượng xã hội trở lên chênh lệch hơn, có sự thương mại hóa giáo dục. Cho nên, cần có sự điều tiết của Nhà nước và Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong sự nghiệp phát triển giáo dục, sử dụng nguồn ngân sách hợp lý để đầu tư cho giáo dục.

Như vậy, cơ chế thị trường đã làm tiến đề thay đổi tư duy giáo dục, xóa bỏ tư duy cũ luôn gán giáo dục, đào tạo với ngân sách, biên chế Nhà nước và đây là cơ sở để hình thành tư tưởng XHHGD từ thập kỷ 90.

2.2.2. Sự phát triển của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH trước xu thế phát triển vượt bậc của KH-CN

Cuộc cách mạng KH-CN tiếp tục phát triển với tốc độ ngày càng tăng, tạo ra những thành tựu mang tính đột phá đã tác động có tính quyết định đến sự phát triển KT-XH cũng như phương thức hợp tác và cạnh tranh giữa các nền kinh tế, giữa các nước. Khoa học đã và đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, tạo ra bước đột phá vĩ đại của lịch sử loài người. Lợi thế cạnh tranh đang thuộc về các doanh nghiệp biết sử dụng công nghệ mới, sự phát triển của mỗi quốc gia tùy thuộc phần lớn vào năng lực sử dụng KH-CN. Trong đó, NNL có trình độ chuyên môn cao, có năng lực sáng tạo ngày càng có ý nghĩa quyết định trong bối cảnh toàn cầu.

Việt Nam có dân số đông, nguồn lao động dồi dào nhưng thực lực về KH-CN, nhân tài về công nghệ chuyên ngành còn có khoảng cách rất lớn so với các quốc gia trên thế giới. Nước ta chủ yếu tập trung phát triển nông nghiệp thủ công, lạc hậu và đang trong thời kỳ chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và các ngành dịch vụ, đẩy mạnh CNH-HĐH, phấn đấu đến năm 2020 trở thành một nước công nghiệp. So với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới năng suất lao động ở nước ta thấp, chất lượng chưa cao, trình độ công nghệ, quản lý, tay nghề của người lao động thấp. Với tiến bộ của KH-CN và sự phát triển của đất nước, đòi hỏi Việt Nam phải đào tạo, nâng cao chất lượng NNL và xây dựng được đội ngũ giỏi chuyên môn có khả năng phát minh, sáng chế, vừa xây dựng đội ngũ nhân tài mang tính ứng dụng cao trong công nghệ. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã xác định phát triển GD-ĐT cùng với

KH-CN là quốc sách hàng đầu, chủ trương này được đề ra và thực hiện trong các Nghị quyết của Đảng và xuyên suốt thời kỳ đổi mới như Đảng ta đã khẳng định "Phát triển GD-ĐT là động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người".

2.3. Xuất phát từ quá trình hội nhập quốc tế

Toàn cầu hóa (TCH) là xu thế hiện nay trên thế giới, tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây ra những khó khăn, thách thức cho các quốc gia, đặc biệt là những quốc gia đang phát triển. TCH diễn ra trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật, GD-ĐT,... Trong đó, TCH bắt đầu từ kinh tế, làm cho mọi nền kinh tế đều tham gia vào một thị trường kinh tế thống nhất. Ngày nay, TCH được quy định bởi bốn yếu tố chủ yếu: Cuộc cách mạng KH-CN tác động mạnh đến tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất theo hướng hiện đại hóa và xã hội hóa, quốc tế hóa; sự phân công lao động quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng; sự phát triển mạnh mẽ của KTTT và kinh tế tri thức đã chấm dứt cục diện khu biệt, co cụm của nền kinh tế thế giới, làm cho sản xuất kinh doanh có quy mô toàn cầu; việc giải quyết những vấn đề toàn cầu đòi hỏi có sự phối hợp giữa các nguồn lực đa phương. Do đó, việc tạo ra một NNL chất lượng cao và tri thức trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia. Hội nhập quốc tế về GD-ĐT ngày càng mạnh mẽ và phức tạp, mang tính hợp tác, cạnh tranh, có mặt tích cực và tiêu cực. Hợp tác quốc tế về GD-ĐT không chỉ đơn thuần là đào tạo nhân lực và phúc lợi xã hội mà việc đầu tư phát triển giáo dục được thực hiện theo cơ chế vì lợi nhuận. Do đó, nền giáo dục của mỗi quốc gia vừa có giá trị dân tộc vừa có giá trị quốc tế nhân loại.

Xu thế TCH và hội nhập quốc tế gắn với quá trình cải cách đổi mới, phát triển giáo dục đang diễn ra trên thế giới đã tạo ra cho giáo dục Việt Nam những điều kiện và cơ hội tiếp cận với nội dung, chương trình, phương pháp tiên tiến, hiện đại; thực hiện đa dạng hóa các hình thức liên kết, hợp tác đào tạo quốc tế; góp phần hoàn thiện phương thức quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng GD-ĐT. Song, TCH cũng đặt ra những thách thức không nhỏ như C.Mác khi bàn đến tính hai mặt của thị trường đã chỉ rõ: Một mặt nó tạo ra xu thế phụ thuộc, "nó khiến cho các nước chưa hoặc đang khai hóa phụ thuộc vào các nước văn minh, khiến cho dân tộc nông dân phụ thuộc vào dân tộc của giai cấp tư sản, khiến cho phương Đông phụ thuộc vào phương Tây"; Mặt khác nó tạo ra xu thế tiến bộ, "do mở rộng thị trường thế giới, sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước đều mang tính toàn cầu,... Sản xuất vật chất là vậy, sản xuất tinh thần cũng không thể khác được" (3). Trong bối cảnh TCH, mở cửa giáo dục là một xu thế khách quan giống như TCH kinh tế. Nền giáo dục Việt Nam để có thể chủ động thích ứng, đón nhận và sớm gia nhập thị trường giáo dục thế giới cần phát huy sức mạnh của toàn dân tộc.

3. Kết luận

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ CNH-HĐH và hội nhập quốc tế có hiệu quả, không bị tụt hậu về mọi mặt đòi hỏi chúng ta phải nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, phát huy những giá trị nội lực, sức mạnh của toàn dân tộc. Vì vậy, một trong những cách thức tốt nhất phải thực hiện là đẩy mạnh XHHGD nhằm phát triển một nền giáo dục khoa học, tiên tiến, hiện đại, đại chúng, phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa của thế giới trong bối cảnh hội nhập.

Chú thích

- (1) Nghị quyết số 90/CP Về phương hướng và chủ trương xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa ngày 21/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ.
- (2) Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương khóa XI*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 45.
- (3) Vương Bản Thái (chủ biên), (2014), *Hiện đại hóa giáo dục*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 541.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Tất Dong (chủ biên), *Xây dựng mô hình xã hội học tập ở Việt Nam*, NXB Dân trí, Hà Nội, 2012.
2. Đảng cộng sản Việt Nam, *Quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo trong thời kỳ đổi mới và hội nhập*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
3. Vũ Tấn Quang (chủ biên), *Xã hội hóa giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.